

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỘI LẠM DỤNG TÍN NHIỆM CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

LÊ DUY TƯỜNG*

Từ thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tác giả phân tích một số vấn đề lý luận, đồng thời nêu lên những bất cập trong thực tiễn; trên cơ sở đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

*Từ khóa: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Bộ luật Hình sự.
Nhận bài: 18/02/2019; biên tập xong: 22/02/2019; duyệt bài: 04/3/2019.*

1. Những vấn đề lý luận về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (CĐTS) có quá trình pháp điển hóa với nhiều tên gọi khác nhau. Đầu tiên là hành vi "bội tín", được quy định tại Thông tư số 442-TTG ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ về trừng trị một số tội phạm. Ngày 21/10/1970, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản của công dân, lúc này lạm dụng tín nhiệm CĐTS được quy định thành hai tội độc lập là "Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS xã hội chủ nghĩa" và "Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS riêng của công dân", dựa trên đối tượng chiếm đoạt là tài sản xã hội chủ nghĩa hay tài sản riêng của công dân. Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1985 tiếp tục kế thừa hai

pháp lệnh nêu trên trong việc quy định hai tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS theo đối tượng chiếm đoạt là tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản riêng của công dân. Đến BLHS năm 1999 thì Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS mới chính thức hình thành trên cơ sở sửa đổi một cách căn bản hai điều luật ở hai chương khác nhau trong BLHS năm 1985 và đến nay, tiếp tục được bổ sung, phát triển trong BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là BLHS năm 2015).

Cơ sở để xác định một tội phạm cũng như để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác là dựa trên các dấu hiệu pháp lý đặc trưng hay bốn yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng cơ bản nhất vẫn là hành vi khách quan. Còn về khách thể của Tội lạm

* Thạc sĩ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

dụng tín nhiệm CĐTTS, tương tự như các tội xâm phạm sở hữu khác, có khách thể là quan hệ xã hội về sở hữu tài sản, đối tượng tác động của tội phạm này là tài sản thuộc quyền sở hữu và quản lý hợp pháp của người khác. Chủ thể của Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, tương tự như các tội phạm khác, là người có năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS), nghĩa là không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, đồng thời, phải đủ tuổi chịu TNHS. Về mặt chủ quan, người thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm CĐTTS có ý thức chiếm đoạt tài sản nên cố ý thực hiện hành vi và mong muốn hậu quả xảy ra; do vậy, Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTTS được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ thực hiện tội phạm không phải là tình tiết định tội hoặc định khung, nhưng có thể là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS.

Mặt khách quan của Tội lạm dụng tín nhiệm CĐTTS được quy định cụ thể tại Điều 175 BLHS năm 2015. Trước hết, hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm hai nhóm hành vi: (1) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối, hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó, hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; (2) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Theo nội dung Điều 175 BLHS năm 2015 thì việc chuyển giao tài sản từ người

bị hại sang người phạm tội là một giao dịch hoàn toàn hợp pháp, ngay thẳng, đó là giao dịch vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng. Hợp đồng ở đây được hiểu là một thỏa thuận về việc chuyển giao tài sản từ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp sang người phạm tội, việc chuyển giao tài sản này là giao dịch hoàn toàn hợp pháp, ngay thẳng. Sau khi nhận được tài sản thì người phạm tội mới nảy sinh ý thức chiếm đoạt tài sản đó, nên đã dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; hoặc tuy không có ý thức chiếm đoạt nhưng sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Như vậy, có thể thấy lạm dụng tín nhiệm CĐTTS là sự chuyển hóa từ giao dịch dân sự, kinh tế hợp pháp sang hành vi phạm tội khi có sự “bội tín”, vi phạm thỏa thuận trong giao dịch dân sự, kinh tế để CĐTTS, hoặc sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại.

Về hậu quả của tội phạm, chi cấu thành tội phạm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 04 triệu đồng trở lên; nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới 04 triệu đồng thì phải kèm theo điều kiện người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về các tội có tính chất chiếm đoạt nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Ngoài hành vi và hậu quả, còn một số yếu tố thuộc về mặt khách quan của tội phạm như: Phương pháp, thủ đoạn, phương

tiện thực hiện tội phạm và thời gian, hoàn cảnh, địa điểm xảy ra tội phạm, nhưng đây không phải là các yếu tố thuộc về tình tiết định tội mà có thể là tình tiết định khung hoặc tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.

2. Một số bất cập phát sinh trong thực tiễn

Thứ nhất, hành vi khách quan của Tội phạm lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ được quy định trong Điều 175 BLHS năm 2015 là hành vi CĐTĐ thông qua việc dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn; hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; hoặc sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Tuy nhiên, điều luật không quy định rõ và hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn như thế nào là gian dối, bỏ trốn và sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, nên việc nhận diện hành vi khách quan của Tội phạm lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ gặp rất nhiều khó khăn, đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế và ngược lại.

Thủ đoạn gian dối thường được hiểu là hành vi đưa ra thông tin sai sự thật để đánh lừa chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản nhằm CĐTĐ. Theo mô tả trong Điều 175 BLHS năm 2015, “dùng thủ đoạn gian dối... để chiếm đoạt tài sản” nghĩa là phải dùng thủ đoạn gian dối trước khi CĐTĐ. Nhưng thực tế có trường hợp CĐTĐ trước khi dùng thủ đoạn gian dối, nghĩa là dùng thủ đoạn gian dối để che giấu việc CĐTĐ. Chẳng hạn, A mượn máy tính xách tay của B, sau đó đem bán, nhưng nói dối B là bị mất trộm, trong trường hợp này, A đã chiếm đoạt (bán tài sản) trước khi dùng thủ đoạn gian dối (nói dối B là bị mất). Khi đó,

rõ ràng A đã phạm tội lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ, nhưng đối chiếu với Điều 175 BLHS năm 2015 thì chưa phù hợp.

Hiện nay, do chưa có văn bản hướng dẫn thế nào là hành vi gian dối, nên việc xác định có gian dối hay không hoàn toàn là đánh giá chủ quan của người tiến hành tố tụng; do vậy, sẽ có trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá khác nhau, đây là kẽ hở cho một số đối tượng lợi dụng. Chẳng hạn, A thuê xe ô tô của B để sử dụng, trong quá trình sử dụng A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem xe đi cầm cố, sau đó về nói với B và hứa sẽ chuộc về trả lại, nhưng không thực hiện. Có ý kiến cho rằng, A phạm tội lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ; nhưng cũng có ý kiến cho rằng, A không có hành vi gian dối, vì ngay từ ban đầu A đã trình bày với B và hứa sẽ chuộc xe trả cho B, hành vi của A không cấu thành Tội phạm lạm dụng tín nhiệm CĐTĐ mà chỉ là vi phạm nghĩa vụ sử dụng tài sản thuê không đúng mục đích, đây là quan hệ dân sự thuộc sự điều chỉnh của pháp luật dân sự. Bản chất vụ việc này là A đã “lách luật”, thuê tài sản mang đi cầm cố, không chuộc trả lại nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, đây là hành vi phạm tội, “núp bóng” giao dịch dân sự. Xảy ra tình trạng này là do chưa có hướng dẫn về yếu tố gian dối, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này.

Tương tự như gian dối, trường hợp “bỏ trốn” để CĐTĐ vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn nên đã dẫn đến nhận thức và áp dụng pháp luật thiếu thống nhất, làm cho việc giải quyết nhiều vụ án gặp khó khăn. Có ý kiến cho rằng, chỉ cần xác định một người nào đó sau khi nhận được tài sản bằng các hình thức

hợp đồng rồi bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không cho mọi người biết đang ở đâu là đủ cơ sở kết luận người đó phạm tội lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, không phụ thuộc vào lời khai của họ về lý do bỏ đi khỏi địa phương. Trong khi đó, thực tế đã chứng minh, không phải mọi trường hợp người bỏ đi khỏi địa phương đều có ý thức CĐTTS, mà có những trường hợp bỏ đi vì lý do khác, như sợ chủ nợ nên bỏ đi địa phương khác làm ăn lấy tiền trả nợ. Trong trường hợp này, việc chứng minh bỏ trốn nhằm CĐTTS hay bỏ trốn nhằm mục đích khác rất khó khăn.

Trường hợp “sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp” cũng chưa được giải thích, hướng dẫn rõ ràng. Trong thực tế, cơ quan tiến hành tố tụng chỉ xử lý hình sự các trường hợp sử dụng tài sản vào mục đích phạm tội như buôn lậu, mua bán ma túy, đánh bạc..., còn sử dụng vào mục đích khác thì không xử lý.

Ngoài các hành vi khách quan được quy định trong Điều 175 BLHS năm 2015, trong thực tiễn còn có trường hợp sử dụng tài sản không đúng mục đích, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, nhưng không xử lý được, như: Vay tiền nói là để làm ăn, nhưng thực tế sử dụng vào việc ăn chơi, tiêu xài hoang phí dẫn đến không có khả năng trả nợ, hoặc đem cho vay lại với lãi suất cao để hưởng chênh lệch, đến khi các đường dây “tín dụng đen” bị vỡ thì mất khả năng chi trả. Trường hợp này không thể truy cứu TNHS, vì việc dùng tiền vay, mượn để ăn chơi, tiêu xài hoặc cho vay lãi không được xem là sử dụng vào mục đích “bất hợp pháp”. Thời gian qua, nhiều vụ vỡ nợ, vỡ hội lên đến hàng trăm tỷ đồng xảy ra

ở nhiều địa phương đã làm cho nhiều người điêu đứng vì mất tiền, nhưng xử lý hình sự các trường hợp này gặp nhiều khó khăn, chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, thậm chí, nếu xử lý sẽ bị quy kết là “hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế”. Tình trạng nêu trên trong thực tế rất nhiều, gây hậu quả nghiêm trọng xét về mặt xã hội, vì có những người dành dụm cả đời hoặc đi vay người thân để cho người khác vay lại, khi xảy ra vỡ nợ họ bị mất tiền, gia đình lục đục, trong khi người đứng ra huy động thì không bị xử lý.

Thứ hai, một số tình tiết định tội và định khung quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015 không cụ thể và chưa được hướng dẫn nên gặp nhiều vướng mắc trong thực tiễn. Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là tình tiết định tội, định khung, mà không quy định chiếm đoạt một lần hay nhiều lần. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS năm 1999 (Thông tư liên tịch số 02/2001) thì: Trong trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu, nhưng mỗi lần giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu để truy cứu TNHS và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu TNHS, đồng thời, trong các hành vi xâm phạm đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS thì người thực hiện nhiều

lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu phải bị truy cứu TNHS về tội phạm tương ứng theo tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian hoặc việc thực hiện các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản do việc xâm phạm sở hữu mà có làm nguồn sống chính. Tuy nhiên, quy định này còn chung chung và khó thực hiện, chẳng hạn thế nào là “thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian”. Trong Thông tư liên tịch số 02/2001 nêu ví dụ người phạm tội liên tục lấy cắp tài sản của nhiều người trong cùng một đêm thì được cộng dồn giá trị tài sản để xử lý. Vậy, trường hợp trong hai ngày liên tiếp, một người lạm dụng tín nhiệm CDTS của hai người khác nhau với số tiền dưới 04 triệu đồng có được xem là thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian để cộng dồn giá trị tài sản bị chiếm đoạt để xử lý về Tội lạm dụng tín nhiệm CDTS không? Do hướng dẫn chưa rõ nên chưa có sự nhận thức và áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

Tình tiết định khung “dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm” cũng chưa có văn bản hướng dẫn, mặc dù tình tiết này quy định từ BLHS năm 1985 đến nay. Trong thực tiễn, “dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm” thường được hiểu là người phạm tội có những mảnh khõe, cách thức thâm hiểm làm cho bị hại và những người khác khó lường trước để đề phòng. Như vậy, bản chất của “dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm” chính là hành vi dùng thủ đoạn gian dối đạt đến một mức độ cao. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể

nên nhận thức thế nào là gian dối thông thường, thế nào gian dối một cách xảo quyệt, nguy hiểm vẫn còn đang gặp nhiều vướng mắc, chưa thống nhất. Do vậy, trong thực tiễn, chưa có địa phương nào áp dụng tình tiết định khung “dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm” khi xử lý Tội lạm dụng tín nhiệm CDTS.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Từ những bất cập phát sinh trong thực tiễn thời gian qua, chúng tôi đề xuất, kiến nghị một số nội dung để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về Tội lạm dụng tín nhiệm CDTS, cụ thể như sau: Cần xem xét sửa đổi, bổ sung Tội lạm dụng tín nhiệm CDTS theo hướng quy định chính xác hơn hành vi khách quan và những tình tiết định tội, định khung hình phạt.

Hành vi khách quan của Tội lạm dụng tín nhiệm CDTS là hành vi CDTS sau khi nhận được tài sản thông qua một giao dịch hợp pháp, ngay thẳng; hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; hoặc sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chủ sở hữu, nghĩa là bản chất của tội phạm này là hành vi “bội tín”; do vậy, việc mô tả hành vi khách quan trong điều luật cần viết cô đọng hơn nhưng vẫn toát lên được bản chất đó.

Lạm dụng tín nhiệm CDTS là hành vi CDTS sau khi nhận được tài sản một cách hợp pháp, còn gian dối hay bỏ trốn là thủ đoạn, cách thức để CDTS. Nếu đưa thủ đoạn gian dối và bỏ trốn vào trong điều luật thì phải giải thích cụ thể, như vậy sẽ rất dài.

Chúng tôi cho rằng, chỉ nên quy định chung hành vi khách quan là CĐT, còn chiếm đoạt bằng cách thức, thủ đoạn gì thì để văn bản dưới luật hướng dẫn. Hơn nữa, thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn cũng chưa đủ, mà trong thực tiễn còn có những thủ đoạn khác. Không quy định cụ thể cách thức, thủ đoạn CĐT trong luật sẽ tạo thuận lợi cho việc hướng dẫn áp dụng, nhằm điều chỉnh hết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Lạm dụng tín nhiệm CĐT còn là hành vi không có khả năng trả lại tài sản do người phạm tội sử dụng tài sản không đúng mục đích, Điều 175 BLHS năm 2015 chỉ xử lý hình sự hành vi sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp. Chúng tôi cho rằng, quy định như vậy là đủ, bởi lẽ, hiện nay có nhiều trường hợp đi vay nhưng sử dụng không đúng mục đích dẫn đến mất khả năng chi trả, gây hậu quả rất lớn nhưng không xử lý được vì họ không gian dối, không bỏ trốn và việc sử dụng tài sản không đúng mục đích lại không được xem là sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp. Điều này không chỉ gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng mà còn gây thiệt hại lớn đối với người cho vay vốn, tình trạng này đang là vấn đề bức xúc, được dư luận đặc biệt quan tâm. Để ngăn chặn tình trạng này, cần hình sự hóa hành vi vay tiền nhưng sử dụng không đúng mục đích dẫn đến mất khả năng chi trả. Đối với tình tiết định khung “dùng thủ đoạn xảo quyệt”, chúng tôi cho rằng nên bỏ tình tiết này, vì bản chất của thủ đoạn xảo quyệt chính là thủ đoạn gian dối, đã được quy định là hành vi khách quan. Hơn nữa, việc đánh giá trong trường hợp nào dùng thủ đoạn gian dối thông thường và trường hợp nào gian

dối ở mức độ xảo quyệt rất khó khăn, tình tiết này hầu như không áp dụng trong thực tế nên cần loại bỏ.

Trong thời gian chưa sửa đổi BLHS năm 2015 thì liên ngành tư pháp trung ương cần sớm ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn riêng về Tội lạm dụng tín nhiệm CĐT nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn giải quyết loại án này. Mặc dù trước đây liên ngành tư pháp trung ương đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2001 và được đánh giá cao, nhưng Thông tư liên tịch này cũng có những vấn đề chưa phù hợp với Tội lạm dụng tín nhiệm CĐT. Bên cạnh đó, còn một số nội dung quan trọng trong cấu thành tội phạm và các tình tiết định tội, định khung đang có vướng mắc trong thực tiễn lại chưa được hướng dẫn cụ thể, kịp thời. Do vậy, việc ban hành Thông tư liên tịch mới thay thế để hướng dẫn việc áp dụng quy định về Tội lạm dụng tín nhiệm CĐT trong BLHS năm 2015 là hết sức cần thiết. Theo đó, trong Thông tư liên tịch mới cần làm rõ hành vi chiếm đoạt và các thủ đoạn chiếm đoạt. Đối với hành vi chiếm đoạt, phải làm rõ thế nào là chiếm đoạt, phân biệt chiếm đoạt với trường hợp vi phạm nghĩa vụ dân sự. Đối với thủ đoạn chiếm đoạt, phải làm rõ thế nào là bỏ trốn, thế nào là thủ đoạn gian dối. Đối với hành vi sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, cần xác định rõ yếu tố bất hợp pháp là gì. Về các tình tiết định khung, cần hướng dẫn thế nào là “lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức”; “dùng thủ đoạn xảo quyệt”; “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. □